

Trước khi bay từ San Antonio lên Dallas để nói chuyện với toàn thể giáo chức ESL của Khu Học Chánh Dallas vào đầu tháng sáu năm 1981, tôi đã được ông Angel Gonzalez cho biết về nhu cầu của tôi trong phòng pháp giảng dạy ESL của họ. Vì chuyên môn của ông là giáo viên song ngữ (Tây ban nha và Anh ngữ) cho các học trò tiểu học sống tại các Miền Châu La-tinh, ông không rành lắm về giáo viên ESL, nhất là ở bậc trung học, cho nên ông cần tôi về ông trong lãnh vực huấn luyện này. Ông đưa về giám đốc giáo viên song ngữ và ESL cho Dallas là một trong 10 khu học chánh lớn nhất của Miền, ông Gonzalez chịu trách nhiệm nội dung học trình và phẩm chất giảng dạy cho hơn 50.000 học sinh danh “có khả năng Anh ngữ hạn chế” (limited-English-proficient) tại mức độ giáo dục lớp 12. Theo ông, trong số 500 giáo chức ESL mà khu học chánh Dallas mới tuyển dụng trong thời gian qua, thì đa số thuộc loại “bắn trong bóng tối” (shoot in the dark). Họ là các giáo chức có bằng hành nghề (certified teachers) trong những bộ môn như văn (language arts), khoa học xã hội (social studies), thể dục (physical education), vân vân, những người không có bằng trong bộ môn của họ. Và nay bằng nhiên họ xin được về giảng dạy ESL cho các học trò ngoại quốc nói trên 50 thị trường mới khác nhau! Mỗi cho tôi niên học 1983-1984 Bộ Giáo Dục Texas mới chính thức bắt buộc giáo chức dạy ESL phải có thêm chứng chỉ hành nghề ESL (ESL endorsement). Chứng chỉ hành nghề này đòi hỏi họ phải hoàn tất vài lớp về phẩm ESL tại địa phương và thi đậu một kỳ sát hạch do Bộ Giáo Dục Texas tổ chức.

Đến cho bài nói chuyện của tôi về khóa huấn luyện mùa hè cho học sinh có thể nói, tôi đã nghe về ông Gonzalez rằng tôi sẽ bắt đầu câu chuyện bằng cách tâm sự với họ về những lỗi lầm làm tôi ngượng ngùng (embarrassed) khi sống dưới thị trường Anh “không giảng dạy” của tôi trong thời gian mới qua Mỹ du học vào mùa thu 1959 – họ đều có một phòng pháp cũ mang danh “grammar-translation” mà cho đến ngày nay nhiều người trên thế giới còn dùng. Sau đó, tôi sẽ đề nghị một số “chiến lược giảng dạy” (instructional strategies) được coi là hữu hiệu và tốt nhất về phòng pháp của tôi như “nghe và nói” (audio-lingual method), “đường giảng dạy chức năng” (functional syllabus), “tình huống” (situational method), vân vân, cho đến một phương pháp giảng dạy mới mà đang bắt đầu thành hình, đưa vào tiến trình thể dục ngôn ngữ mới và mang danh “phương pháp học tự nhiên” (natural approach). Tôi tin tưởng rằng “chiến lược chắc chắn” (surefire strategies) này sẽ là hành trang tốt nhất cho những đồng nghiệp mà ông Gonzalez nhận thấy còn đang “bắn trong bóng tối.” Ông Gonzalez hoan hỉ tán thành đề nghị của tôi.

Lúc ông Gonzalez đưa tôi đến hội trường thì cả tòa đã ngồi kín mọi ghế vì sắp đến giờ khai mạc. Ông Gonzalez bước lên bục thuyết trình chào mừng cả tòa và lắng qua chứng trình của họ về khóa huấn luyện mùa hè. Rồi ông mới lên đứng cạnh ông bên máy vi âm khi ông giảng về tôi rằng tôi nói về tôi và cả tòa.

Tôi mới du câu chuyện bằng một khúc quanh quan trọng trong tiến trình học và nghiên cứu của tôi. Đó là một ngày cuối hè 1959, khi tôi được chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (South Vietnam) và cơ quan viện trợ Mỹ (USAID) cấp cho một học bổng mang danh dự kỳ vọng là “leadership scholarship” để du học tại Mỹ rồi trở về phục vụ đất nước, sau khi tôi du tú tài toàn phần ban văn chương với học danh đầu và đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển học bổng toàn quốc do USAID tài trợ cho học sinh Việt Nam.

Trở lại, lúc quan và dạy tiếng, tôi nghĩ mình sẽ thuận buồm xuôi gió với tiếng Anh khi qua Mỹ. Nhưng tôi lầm to, vì con thuyền tiếng Anh của tôi đã không được chuẩn bị để ra khơi! Không thể đổ lỗi cho ai cả, vì sự thật là tôi và các thầy dạy Anh vẫn của tôi thuở đó chỉ là là nạn nhân của thói quen mà thôi. Tiếng Anh lúc đó còn quá mới mẻ với người Việt, cho nên chính các thầy còn gặp khó khăn với cách phát âm (pronunciation) cũng như sự lưu loát (fluency) trong tiếng Anh. Hơn nữa, phương pháp dạy của các thầy quá lưu tâm đến kỹ thuật ngữ pháp, khiến cho các học sinh trong lớp chú trọng đến các quy luật văn phạm và khả năng dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Đó cũng là cách các thầy của tôi “học” tiếng Anh trước khi ra hành nghề. Một năm về sau, khi chuyên viên học áp dụng tại Georgetown University, tôi mới được biết lý do dạy của các thầy tôi đó có danh xưng uy nghi là “phương pháp văn phạm - dịch thuật” (grammar-translation method)! Và bộ giáo khoa viết bằng tiếng Pháp mang tên “l’anglais vivant” (tiếng Anh sống) của tác giả Carpentier-Fialip do nhà sách Hachette xuất bản tại Paris, với hai phiên bản màu xanh da trời (édition bleue) và màu vàng xám (édition beige), quy tắc là lý tưởng cho lý do dạy và học thực dụng. Tiếng Anh như vậy, tuy được gọi là “sống” theo tên bộ sách, thực sự được dạy như một ngôn ngữ đã “chết” rồi. Nhờ phương pháp này, khi xong trung học, tôi có khả năng dịch (qua văn viết thôi) từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh, bằng một thủ tục tiếng Anh đúng văn phạm và không sai chính tả. Tôi chỉ nghĩ ngoài đầu, cái tư duy non nớt ấy, qua những bài học văn phạm tiếng Anh đã học thuộc lòng như cháo, tôi đã có thể đưa ra diễn nghĩa, trình bày công thức cấu trúc, và cung cấp thí dụ chính xác thế nào là thì “tương lai hoàn thành tiến hành” (future perfect progressive tense) trong tiếng Anh, như một cái máy vậy. Không thay, đó là một thói mà chính những người Anh, người Mỹ chính cũng học hỏi học sinh dạy, như trong câu “by this time next month, we will have been living in America for two weeks” cũng học hỏi. Đây là một “thói” trong tiếng Anh mà tiếng Việt của tôi khó lòng diễn tả nổi, vậy mà tôi vẫn thuộc lòng!

Sau một vài buổi huấn luyện qua loa về văn hóa Mỹ tại Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại Saigon, tôi lên đường du học lúc 18 tuổi. Khi tới Honolulu, tôi được rời máy bay vài chục phút, đi bộ trong terminal của phi trường cho đến gần đến cửa. Chợt thấy mà đã như nhà đến muộn khóc! Và lần đầu tiên nghe những người xung quanh mình nói toàn tiếng Mỹ, tôi cảm thấy hơi hoảng, bất an và lo lắng. Vài bữa sau, tôi đã có một kỳ trở về theo học khóa mùa thu. Miami là một đất học có campus đẹp như một tiểu bang Ohio, nhưng tôi cảm thấy mình như một khách lạ lạc lõng trong thiên đường. Tôi bắt chợt khám phá ra sự thật phũ phàng là “tiếng Anh nói” (spoken English) của người Mỹ bản xứ và “tiếng Anh viết” (written English), vẫn là ngôn ngữ truyền thống của tôi, khác nhau một trời một vực. Tôi cũng thấy những bài đàm thoại (dialogues) giữa hai cá nhân A và B mà tôi đã học thuộc lòng “phòng khi học sự” hoàn toàn vô ích, vì làm gì có

Thị tiếng Anh “bớt thò ng” của tôi khi mới qua Mỹ du học

Tác Giả: GS Đàm Trung Pháp
Chúa Nhật, 13 Tháng 9 Năm 2009 05:15

ngồi tôi Mỹ nào đã cùng học thu học lòng nhò ng bài đàm thoì ì y đò nói chuyề n vò ì tôi đâu!

Tôi “quê” đò n nò ì không biét cách đò ì đáp ra sao mới ì khi các sinh viên Mỹ nói “hi” vò ì tôi. Chò c hò n hò nghĩ là tôi không thân thiò n hò c câ m hò c đò c. Hò đâu có biét cho rò ng tôi chò a hò đò c đò y là “hi” cũng là mò t ì ì chào hò ì nhò “hello” vò y. Vì không biét ngò ì ì Mỹ thò ng nói “bless you!” khi ai đó gò n hò nhò y mũi (sneeze), tôi câ m hò hò n mới ì khi anh bò n Mỹ cùng phòng cò a tôi nhò y mũi ì n ào. Tôi cũng có ì n ngò n ngò ì ra vì không hiò u câ u hò ì nhanh nhò giò cò a anh ta, nghe ra nhò thò “jeet jet?” Vò sau mới ì biét câ u ì y chính là “did you eat yet?” phát âm thò t nhanh, khiò n cho các âm vò (phonemes) trong mò y chò đó bò rút ngò n và dính chò t vào vò ì nhau! Nhò đò sò các hò c trò Á châu khác, tôi là mò t ngò ì ì hò c bò ng mò t (a visual learner), và do đó dùng hình thò c viò t (spelling) cò a chò làm kim chò nam phát âm chò đó. Tai hò ì thay, ì ì phát âm kiò u này khiò n tôi phát âm trò t mò t sò chò Anh, nhò “Wednesday” (thành ra 3 âm tiò t: wed-nes-day), “often” (phát âm cò mò u tò “t”), “Arkansas” (vò n vò ì Kansas). Riêng nhóm mò u tò “-ough” thò c đò sò vì nó có nhiò u ì ì phát âm khác nhau; tôi đã phò ì vô cùng cò n trò ng mới ì khi phát âm các chò “bough, cough, hiccough, tough, though, through”! Nhò ng đò u quá đò cho ngò ì ì Mỹ bò n xò phát âm ì ì là nhò ng thò thách cho tôi, chò ng hò n sò khác biét tò nhò giò a âm [i] trong chò “it” và âm [iy] trong chò “eat” hò c giò a âm [u] trong chò “look” và âm [uw] trong chò “Luke.” Tôi còn nhò mò ì ì n phát âm chò “sheet” và chò “beach” là tôi ngò ì ì m vò ì u không cò n thò n chúng có thò bò nghe ì n thành hai chò rò t tò c trong tiò ng Mỹ! Cũng vì thiò u cò hò ì thò c tò p phát âm tiò ng Anh mò t cách nghiêm túc, tôi ì a mò c ì ì đò trò t đò u giò ng chính (primary stress) trong mò t chò đò a âm tiò t (multisyllabic word), chò ng hò n thay vì nhò n mò nh âm tiò t đò u tiên cò a chò “melancholy” tôi ì ng nhò n mò nh âm tiò t thò hai mò t cách sai ì m. Nguy hò ì hò n, nhò n mò nh sai chò có thò vô tình biò n chò này thành chò khác; chò ng hò n, chò “invalid” có hai cách phát âm: nò u nhò n mò nh âm tiò t đò u tiên, chò đó là mò t danh tò có nghĩa là mò t “phò nhân” (có thò đã hy sinh mò t phò n thân thò cho đò t nò c); nò u nhò n mò nh âm tiò t thò hai, chò đó là mò t tính tò có nghĩa là “vò giá trò.” Vò phò nhân sò buò n biét mò y nò u bò ngò ì ì đò ì phát âm trò t khiò n danh tò đáng kính kia trò thành mò t tính tò chò ng đò p chút nào!

Trong lãnh vò c cú pháp (syntax) và cách chò n tò (diction), tiò ng Mỹ cò a tôi trong thò ì gian đò u ì đò ì hò c là thò tiò ng Mỹ “bớt thò ng.” Nó già nua (archaic), hò a mò (flowery), trang trò ng (formal), bò t tò nhiên (unnatural), bò t chính cò ng (unauthentic), và do đó chò ng giò ng “tiò ng Mỹ nói” (spoken American English) hiò n đò ì chút nào! Nó là sò n phò m cò a hò ì năng đò ch thuò t cò a tôi cò ng vò ì nhò ng tò ngò cò ì xò và vãn phò m cao cò p không mò y may phù hò p vò ì tiò ng Mỹ hiò n đò ì mà tôi phò ì làm quen và mau chóng chinh phò c.

Thò tiò ng Anh bò t thò ng cò a tôi lúc ì y thuò c loò ì “phát minh cá nhân” (personal invention) chò a bao giò đò c đò u chò nh bò ì “quy ì c xã hò ì” (social convention) tò c là ì ì nói tiò ng Anh chính cò ng cò a ngò ì ì bò n xò. Anh bò n cùng phòng cò a tôi mang tên Dick Welday là mò t ngò ì ì rò t thân thiò n và vui nhò n. Sau vài câ u chuyề n trong ngày đò u chúng tôi mò ì gò p nhau, Dick nheo mò t nói vò ì tôi đò ì khái, “Tiò ng Anh cò a bò n ngò (interesting) ì m đò y, nhò ng

tôi cũng hiểu bạn.” Chỉ hôm đó, Dick đến vài ngày ở bạn Mỹ khác đến chơi với tôi; chắc hẳn anh ta đã nói với bạn về thị tiếng Anh tôi đưa tôi và mẹ tôi cho đến đích thân nghe tôi nói thị tiếng Anh. Sau khi gặp tôi ở nhà với tôi, Dick khai mào, “Phap, tell us about the weather in Vietnam when you left a few days ago.” Dùng khả năng dịch thuật tôn trọng cú pháp tuy nhiên và những từ ngữ hoa mỹ kính, tôi chậm rãi trả lời, “My friends, when I took leave of my beloved fatherland, which is situated near the equator, the weather was scorchingly hot.” Họ lại về ngữ cảnh nhiên và cảnh tượng với tôi nói thị tiếng Anh lòng của tôi. Rồi Dick thêm, “Isn’t his English interesting?” Rồi rồi, tôi hỏi Dick, “How would you express what I just said?” Anh trả lời gọn lẹ, “When you left Vietnam, it was hot like hell.” Tôi nghe câu nói khoáy tai quá, và đã “học” ngay đến hai từ quan trọng— đó là hãy dùng “leave” thay vì “take leave of” và thành ngữ táo bạo “like hell” để biểu diễn mức độ. Toàn là những từ quá xá mà tôi chưa biết đến bao giờ! Nếu học “giới thiệu” (unlearn) thị tiếng Anh cũ để “học lại” (relearn) của tôi khi đến lúc này.

Những tuần đầu tiên tại Miami University thực sự thách thức cho tôi. Những mặt con cá vắng vẻ khi nhìn, tôi không biết tiếng lại học về mình sao. Tôi chưa quen nghe thị tiếng Mỹ của các giáo sư cho nên việc tôi cố gắng ghi chép lại những từ là một điều thử thách. Mọi khi các từ viết lên bảng để tôi vui mừng chép lại chép để vào một cuốn vở. Bài luận văn đầu tiên của tôi trong lớp “English composition” là một bài học để tôi, những người cho tôi “đúng bao giờ bắt đầu với cách chấm câu (punctuation) thị tiếng Mỹ.” Bài luận văn này tôi đã viết rất kỹ về mặt ngữ pháp, từ ngữ để làm câu theo tiêu chuẩn Mỹ. Khi thầy đi “D” về ngữ pháp trên bài viết, tôi thật kinh, với tôi ông thầy tại sao tôi bỏ đi kém này. Ông nói tôi phải cẩn thận với cách chấm câu và khuyên tôi nên ôn tập nhiều trong lãnh vực này. Rồi ông lấy ngón tay chỉ vào những chỗ tôi mắc lỗi làm đúng dấu phẩy (comma splices) khi nói cho nhiều đơn trong bài luận trở thành những câu “không ngừng nghỉ” (run-on sentences)! Những lỗi này, ông nhận ra, không được phép xuất hiện trong thị tiếng Anh bắt đầu học.

Một vấn đề nữa rất lớn với tôi là những từ Mỹ về những từ (idioms) mà ý nghĩa không thể đoán được trong ngôn ngữ hàng ngày. Tôi có khuynh hướng đoán ý nghĩa của các từ theo nghĩa đen (literally), và thường đoán sai, vì làm sao mà tôi có thể hiểu “go break a leg” là có thể là lời chúc “good luck” hoặc “kick the bucket” là cách nói bóng cho việc gì? Có lẽ tôi thì thậm chí còn hơn học những từ Mỹ như như mà tôi rất muốn vào một buổi sáng chỉ nghĩ tới ký túc xá của nàng, những công thông báo từ gì. Lisa thì trên lớp xu hướng gặp tôi thì phòng khách, có vẻ không vui và không hợp đồng những ngày thì gặp học. Chưa kịp trang điểm, nàng trông xanh xao vàng vọt quá. Nàng nghiêm nghị nói với tôi, “Phap, I wish you had given me a ring before you stopped by this morning.” Vì tôi thì nàng mẹ “đặt giai đoàn” mà tình đang chờ đợi của chúng tôi, tôi ngây thơ đáp lại, “Lisa, we are both only 18, why should we get engaged at such a young age?” Biết tôi đã hiểu lầm câu nói của nàng, Lisa bắt cười và cười thích, “You silly boy! What I meant was simply that you should have telephoned me before you came to see me this morning.” Những ngày ngừng quá, tôi xin lỗi đã hiểu lầm nàng chỉ vì thị tiếng Anh của tôi chưa đi đâu, cũng như đã không đi theo cho nàng trước khi ghé thăm. Lisa là một ân nhân của tôi vì nàng đã làm mẹ cho tôi rất nhiều về cách sử dụng “colloquial American English” và cũng kiên nhẫn giúp thích cho tôi nhiều để về văn hóa Mỹ như thế nào là “Valentine’s Day”, thế nào là “homecoming queen”, thế nào là “blind date,”

vân vân. Nhưng cái kiến thức bản ngữ (schemata) đó về văn hóa Mỹ thực là quan trọng cho tôi mà thực đó tôi chỉ nghĩ mà y may hay biết!

Trong phần còn lại của bài nói chuyện, tôi đề nghị cho áp dụng một vài “chiến lược gì đó” (surefire instructional strategies) cho chương trình ESL của DISD, sao cho học trò đang theo học tránh được những khó khăn, những thử thách mà tôi về trình bày, tận tâm nghiên cứu của một học sinh tiếng Anh ngày nay nói lại những học cũ hiểu thấu và đưa ra những đề nghị thiết thực để sửa sai.

Quan trọng nhất là chiến lược các thầy cô cung cấp cho học trò “tiếng Anh có thể hiểu” trong một lớp học thoải mái” vì đây là điều kiện cần thiết để cho học trò tiếp thu tiếng Anh. Đây cũng là tín hiệu giúp người học có một “phòng học học tự nhiên” do hai nhà giáo ngôn ngữ Mỹ Stephen Krashen và Tracy Terrell đề xuất. Theo họ, lớp học “thoải mái” (stress-free) sẽ làm cho cơ quan ngôn ngữ (language organ) trong não bộ học trò hoạt động tích cực, và khi cơ quan ngôn ngữ nhận được “tiếng Anh có thể hiểu” (comprehensible English) nó sẽ sắp xếp (organize) và hiểu (monitor) các dữ kiện ngôn ngữ đó trong não bộ để chúng vĩnh viễn (internalization). Nhờ vậy những điều các thầy cô nói trong lớp phải rõ ràng (học cao hơn chút nữa) và khi những học trò chấp nhận một chút tiếng Anh nào, “total physical response” (gọi tắt là TPR) là một hoạt động tự nhiên. Các em này chấp nhận nói gì, mà chấp nhận hiểu xem thầy cô ra lệnh mình phải làm gì (sau khi đã xem thầy cô biểu diễn) rồi thì hành lệnh – như “stand up,” “sit down,” hoặc “touch your nose with your left hand,” vân vân. Tranh vẽ, đồ vật thật (realia), diễn tập bằng nét mặt hay bằng tay chân, hoặc bất cứ phương tiện nào khác giúp học trò hiểu được điều mình nói để đưa ra sự đồng ý. Để tài quen thuộc hàng ngày như ăn uống, mua bán, giới trí để dùng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, và viết trong lớp. Điều quan trọng là thầy cô phải giúp cho lớp học luôn luôn thoải mái, vui tươi. Trò chơi, ca hát, cũng như các hoạt động nhân văn (humanistic activities) khác để có thể làm sự học tiếng Anh thêm hấp dẫn, thêm thoải mái. Học trò được khuyến khích tự do nói về mình, về gia đình, về hoài bão tương lai mình trong các hoạt động tiếp thu tiếng Anh. Nếu đa dạng văn hóa (cultural diversity) được đưa vào các bài học tiếng Anh để học hành thêm hấp dẫn. Krashen và Terrell cho rằng nếu lớp học không thoải mái (trong đó học trò không hiểu thầy cô nói gì, thầy cô ra lệnh lòng nhói cái máy, vân vân) thì toàn bộ cơ quan ngôn ngữ của học trò sẽ tắt ngấm (shut down).

Chiến lược “ngôn ngữ” (pragmatics) rất cần thiết để giúp học trò làm chủ được các “chức năng truyền thông” (communicative functions) căn bản như chào hỏi, xin chào, giới thiệu, xin lỗi, khen ngợi, chia buồn, vân vân. Quan trọng, một thông tin một người học của một cá nhân tùy thuộc vào tình huống chức năng mà người học sẽ đồng ý thành công. Một chức năng (thí dụ “Asking for directions”) đòi hỏi học trò nắm được hai yếu tố của chức năng đó: (1) Từ vựng (bank, school, zoo, museum ...) và (2) Cấu trúc câu (Where is the bank? Can you tell me where the bank is?).

Chiến lược “bớt thớt” của học sinh mới nhập học và cú pháp” gây ra do sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ của học trò cũng khá cần thiết. Dựa vào khoa “phân tích lỗi” (error analysis), chiến lược này sẽ hữu ích, nhưng những lỗi sai (pitfalls) tiếng Anh đang chờ học trò ESL rất đáng chú ý. Chẳng hạn, học sinh mới nhập học ESL, bắt đầu tiếng mẹ đẻ là gì, dù không phân biệt được sự khác biệt giữa hai âm [i] và [iy] như trong cặp từ thiểu (minimal pair) “it/eat” và hai âm [u] và [uw] như trong cặp từ thiểu “look/Luke.” Học trò gốc Mỹ châu La-tinh cần luyện tập phát âm kỹ lưỡng mong phân biệt được sự khác biệt giữa hai âm [sh] và [ch] như trong cặp từ thiểu “share/chair.” Âm [th] trong chữ “thin” bắt đầu buột miệng nói phớt lờ đi vào giữa rằng của trên và rằng của dưới; điểu này rất khó làm cho học trò ESL, và các em sẽ ngỡ “thay thớt” nó bằng âm [s], [t], hay [f] là những âm các em “quen” hơn, khiến cho “thin” nghe như “sin” hay “tin” hay “fin”! Học trò gốc Việt có khuynh hướng không dùng động từ “be” trong câu mệnh đề, chẳng hạn “We happy to see you” vì trong tiếng Việt mệnh đề mệnh đề có thể đứng chủ ngữ mệnh đề đã có sẵn động từ mệnh đề đứng sau và “be” nằm trong đó. Học trò gốc Mỹ châu La-tinh có khuynh hướng không dùng chữ “to”, vì đây là mệnh đề chủ ngữ pháp của tiếng Tây ban nha, trong đó các “đuôi” của động từ (verb endings) rất rõ ràng ai là chủ ngữ. Do đó các em có thể viết câu tiếng Anh sai văn phạm này: “Juan is not from Mexico. Is from Venezuela.”

Chiến lược chốt mà tôi đề nghị là cho học trò ESL “viết nhật ký hội thoại” (dialogue journals). Các em tự do viết về bất cứ điều gì mà các em thích. Thầy cô rắng bắt thì ghi chép và đáp lại những câu trả lời của các em viết, nhưng không sửa chữa hoặc thêm vào những lỗi chính tả hoặc văn phạm. Những lỗi viết đáp lại của thầy cô đúng văn phạm và đúng chính tả sẽ là gương mẫu (modeling) để các em noi theo. Chẳng hạn, qua những trang nhật ký trao đổi với thầy cô, các em sẽ có rất nhiều cơ hội so sánh “phát minh cá nhân” của các em với “quy tắc xã hội” do thầy cô đã đưa ra.

Khi tôi chấm dứt bài nói chuyện về những tâm tình này thì được cô giáo đưa động lực động viên lên và tay tán thưởng. Và chỉ vài tuần sau đó tôi trở thành người phụ trách ESL cho DISD để trợ giúp học sinh.